

Chương 9

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI (The Foreign Exchange Market - FOREX)



Trương Tiến Sĩ

1

MỤC TIÊU

- Giới thiệu tổng quan về TTNH
- Đề cập đến tỷ giá và các vấn đề có liên quan đến tỷ giá
- Các giao dịch cơ bản trên TTNH



Trương Tiến Sĩ

2

NỘI DUNG

- 7.1. Tổng quan về thị trường ngoại hối
- 7.2. Tỷ giá và các vấn đề liên quan đến tỷ giá
- 7.3. Các giao dịch cơ bản trên TTNH



Trương Tiến Sĩ

3

7.1. Tổng quan về thị trường ngoại hối



- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Đặc trưng của Forex
- 7.1.3. Chức năng của Forex
- 7.1.4. Vai trò của Forex
- 7.1.5. Các chủ thể tham gia Forex

7.1.1. Khái niệm



- **Thị trường:** là nơi gặp gỡ, trao đổi giữa người mua và người bán về một hàng hóa nào đó.
- **Ngoại hối:** là những phương tiện được sử dụng trong thanh toán quốc tế. Bao gồm:
 - Ngoại tệ;
 - Các giấy tờ có giá ghi bằng ngoại tệ;
 - Vàng tiêu chuẩn.
 - Nội tệ do người không cư trú nắm giữ
- **Thị trường ngoại hối:** Là nơi diễn ra việc mua bán các đồng tiền khác nhau.

7.1.2. Đặc trưng của Forex



- Thị trường tài chính lớn nhất;
- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo nhất;
- Hoạt động hiệu quả;
- Thị trường phi tập trung (Over The Counter - OTC);
- Có tính toàn cầu, hoạt động liên tục 24/24 giờ;
- Trung tâm là thị trường liên ngân hàng;
- Các đồng tiền giao dịch chủ yếu: USD, EUR, JPY, GBP, CHF, CAD, AUD, NZD, SGD...

7.1.3. Chức năng của Forex



- Cung cấp các dịch vụ cho khách hàng thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế;
- Giúp luân chuyển vốn quốc tế;
- Là nơi xác định (hình thành) tỷ giá hối đoái;
- Là nơi NHTW can thiệp lên tỷ giá;
- Nơi kinh doanh và cung cấp các công cụ bảo hiểm rủi ro tỷ giá.

Trương Tiến Sĩ

7

7.1.4. Vai trò của FOREX



- Thúc đẩy thương mại và đầu tư quốc tế;
- Tạo điều kiện để NHTW có thể can thiệp và tác động lên tỷ giá theo hướng có lợi cho nền kinh tế.

Trương Tiến Sĩ

8

7.1.5. Các chủ thể tham gia Forex

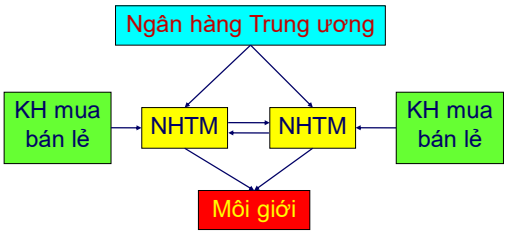


- Ngân hàng thương mại (Commercial Banks);
- Ngân hàng trung ương (Central Banks);
- Doanh nghiệp (Firms);
- Quỹ đầu tư (Investment Funds);
- Các nhà môi giới (Broker Companies);
- Khách hàng mua bán lẻ (Private Customers).

Trương Tiến Sĩ

9

Sơ đồ mối quan hệ giữa các thành viên



Trương Tiến Sĩ

10

7.2. TỶ GIÁ VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN



- 3.2.1. Khái niệm về tỷ giá
- 3.2.2. Phân loại tỷ giá
- 3.2.3. Yết tỷ giá
- 3.2.4. Yết giá trực tiếp và gián tiếp
- 3.2.5. Tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra
- 3.2.6. Tỷ giá chéo
- 3.2.7. Kinh doanh chênh lệch tỷ giá (Arbitrage)
- 3.2.8. Tăng giảm tỷ giá

Trương Tiến Sĩ

11

7.2.1. KHÁI NIỆM TỶ GIÁ



- **Tỷ giá hối đoái:** là giá của một đồng tiền được biểu thị thông qua đồng tiền khác
- **Tỷ giá hối đoái:** là tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền

Ví dụ:

1USD = 20,050VND	1GBP = 1.258EUR
1EUR = 1.3250USD	1USD = 112.36JPY

Trương Tiến Sĩ

12

7.2.2. PHÂN LOẠI TỶ GIÁ

- Tỷ giá cố định - Tỷ giá thả nổi
- Tỷ giá giao ngay - Tỷ giá kỳ hạn
- Tỷ giá mua vào - Tỷ giá bán ra
- Tỷ giá chính thức - Tỷ giá thị trường tự do/chợ đen
- Tỷ giá tiền mặt và tỷ giá chuyển khoản
- Tỷ giá chéo

Trương Tiến Sĩ

13

7.2.3. YẾT TỶ GIÁ

1Đôla Mỹ đổi được 118.54 Yên Nhật

Yết theo thị trường

1USD = 118.54JPY
USD1 = 118.54JPY
118.54JPY/USD
JPY118.54/USD
USD/JPY 118.54
USDJPY 118.54

Yết phục vụ cho việc nghiên cứu, tính toán:

$$S(\text{JPY/USD}) = 118.54$$

Trương Tiến Sĩ

14

7.2.3. YẾT TỶ GIÁ

• Quy ước cách yết tỷ giá (học thuật):

- Với hai đồng tiền x và y, tỷ giá giữa hai đồng tiền được yết như sau:

$$S(x/y)$$

- Số đơn vị đồng tiền x trên một đơn vị đồng tiền y.
- y là đồng yết giá, có đơn vị là 1.
- x là đồng định giá, biểu thị giá trị đồng tiền y

Ví dụ:

20,050VND/USD hay $S_{(\text{VND/USD})}=20,050$

Trương Tiến Sĩ

15

7.2.3. YẾT TỶ GIÁ

• Quy ước cách yết tỷ giá:

- Tỷ giá nghịch đảo của $S(x/y)$ là $S(y/x)$. Trong đó:

$$S(y/x) = \frac{1}{S(x/y)}$$

Ví dụ:

$$S_{(USD/GBP)} = 1.7518$$
$$\rightarrow S_{(GBP/USD)} = 1/S_{(USD/GBP)} = 0.5708$$

Trương Tiến Sĩ

16

7.2.3. YẾT TỶ GIÁ

- Điểm tỷ giá - Points:** là đơn vị cuối cùng của tỷ giá được yết theo thông lệ các các giao dịch ngoại tệ.

1USD = 1.3540 CHF → 1 điểm là 0.0001 CHF

1GBP = 1.7350 USD → 1 điểm là 0.0001 USD

1USD = 98.125 JPY → 1 điểm là 0.001 JPY

1USD = 20,800 VND → 1 điểm là 1 VND

Trương Tiến Sĩ

17

7.2.4. Yết trực tiếp và gián tiếp

Yết giá trực tiếp	Yết giá gián tiếp
1 đơn vị ngoại tệ bằng bao nhiêu đơn vị nội tệ	1 đơn vị nội tệ bằng bao nhiêu đơn vị ngoại tệ
<u>Ví dụ:</u> 1USD = 20,050VND	
Trực tiếp dưới góc độ của Việt Nam	Gián tiếp dưới góc độ của Mỹ
	Các đồng tiền yết gián tiếp: GBP, AUD, NZD, EUR, SDR

Trương Tiến Sĩ

18

7.2.5. Tỷ giá mua và bán

Tỷ giá mua vào (Bid rate)	Tỷ giá bán ra (Ask rate/ Offer rate)
Là tỷ giá mà tại đó nhà tạo giá (NHTM) sẵn sàng mua vào đồng tiền yết giá	Là tỷ giá mà tại đó nhà tạo giá (NHTM) sẵn sàng bán ra đồng tiền yết giá
Ví dụ: 20,020 – 20,030 VND/USD Thông thường tỷ giá bán ra lớn hơn tỷ giá mua vào	

Trương Tiến Sĩ

19

7.2.5. Tỷ giá mua và bán

• **Chênh lệch tỷ giá mua vào – bán ra**

- Tính theo điểm tỷ giá (số tuyệt đối)

Spread = Ask rate – Bid rate

- Tính theo tỷ lệ % (số tương đối)

$$Spread = \frac{Ask - Bid}{Bid} \times 100\%$$

• **Spread phụ thuộc vào:**

- Giá trị giao dịch
- Thị trường ngoại hối nơi diễn ra giao dịch
- Tính ổn định của đồng tiền giao dịch
- Tỷ trọng giao dịch của đồng tiền trên thị trường
- Ngoại tệ tiền mặt hay chuyển khoản hay séc...

Trương Tiến Sĩ

20

7.2.6. Tỷ giá chéo

• **Khái niệm:**

- Tỷ giá chéo là tỷ giá giữa hai đồng tiền được suy ra từ tỷ giá của hai đồng tiền đó với đồng tiền thứ ba.

• **Phương pháp xác định tỷ giá chéo:**

- Tỷ giá chéo giản đơn: Không có chi phí giao dịch (Chỉ tồn tại 1 mức tỷ giá)
- Tỷ giá chéo mua vào – bán ra: Có chi phí giao dịch (Tồn tại 2 mức tỷ giá mua và tỷ giá bán)

Trương Tiến Sĩ

21

Tỷ giá chéo giản đơn

Giả sử: có 3 đồng tiền x, y, z. Có tỷ giá giữa x và z, y và z.
Cần tính tỷ giá giữa x và y

- Trường hợp 1: z là đồng yết giá trong cả 2 tỷ giá (Biết $S_{(x/z)}$ và $S_{(y/z)}$)

$$S_{(x/y)} = \frac{S_{(x/z)}}{S_{(y/z)}}$$

- Trường hợp 2: z vừa là đồng yết giá, vừa là đồng định giá (Biết $S_{(x/z)}$ và $S_{(z/y)}$)

$$S_{(x/y)} = S_{(x/z)} \times S_{(z/y)}$$

- Trường hợp 3: z là đồng định giá trong cả 2 tỷ giá (Biết $S_{(z/x)}$ và $S_{(z/y)}$)

$$S_{(x/y)} = \frac{S_{(z/y)}}{S_{(z/x)}}$$

Tỷ giá chéo mua vào – bán ra



- Trường hợp 1: Đồng tiền trung gian là đồng yết giá trong cả 2 tỷ giá

Biết:

- $S_{(x/z)} = a - b$
- $S_{(y/z)} = c - d$
- Xác định tỷ giá $S_{(x/y)} = e - f$

$$e = a/d$$

$$f = b/c$$

Trương Tiến Sĩ

23

Tỷ giá chéo mua vào – bán ra



- Trường hợp 2: Đồng tiền trung gian vừa là đồng yết giá, vừa là đồng định giá

Biết:

- $S_{(x/z)} = a - b$
- $S_{(z/y)} = c - d$
- Xác định tỷ giá $S_{(x/y)} = e - f$

$$e = a \times c$$

$$f = b \times d$$

Trương Tiến Sĩ

24

Tỷ giá chéo mua vào – bán ra

- Trường hợp 3: Đồng tiền trung gian là đồng định giá trong cả 2 tỷ giá

Biết:

- $S_{(Z/X)} = a - b$
- $S_{(Z/Y)} = c - d$
- Xác định tỷ giá $S_{(X/Y)} = e - f$

$e = c/b$

$f = d/a$

Trương Tiến Sĩ

25

7.2.7. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá (triangular arbitrage)

- Là việc tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư mua một đồng tiền ở nơi rẻ và bán lại ở nơi có giá cao hơn để hưởng chênh lệch giá.
- Arbitrage chỉ xảy ra khi: tại cùng một thời điểm, tỷ giá không thống nhất giữa các Ngân hàng khác nhau.
- Quá trình Arbitrage sẽ loại bỏ sự không thống nhất về tỷ giá giữa 3 đồng tiền

Trương Tiến Sĩ

26

7.2.8. Tăng – giảm TỶ GIÁ

- Thời điểm 0: $S^0_{(X/Y)}$
- Thời điểm 1: $S^1_{(X/Y)}$

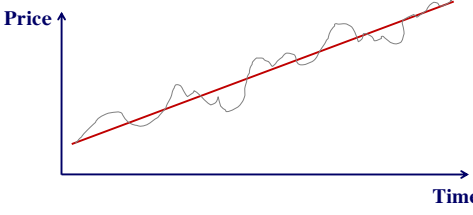
$$\% \Delta S_{(X/Y)} = \frac{S^1_{(X/Y)} - S^0_{(X/Y)}}{S^0_{(X/Y)}} \times 100\%$$

- $\% \Delta S_{(X/Y)} > 0$: Tỷ giá tăng
- $\% \Delta S_{(X/Y)} < 0$: Tỷ giá giảm

Trương Tiến Sĩ

27

SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TỶ GIÁ



- Tỷ giá biến động ⇒ rủi ro trong các giao dịch liên quan đến ngoại tệ.
- Công cụ nào để giảm thiểu rủi ro?

28

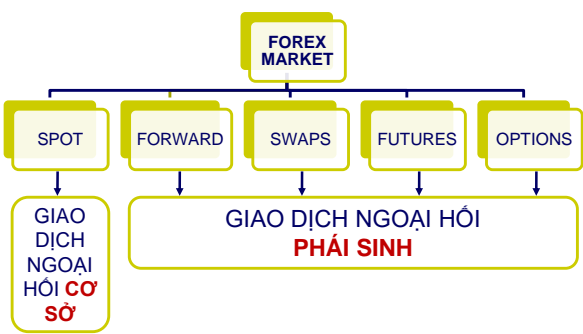
7.3. Các giao dịch ngoại hối cơ bản

- **Giao dịch giao ngay** (forex spot transactions)
- **Giao dịch ngoại hối kỳ hạn** (outright forex forward transactions)
- **Giao dịch hoán đổi ngoại hối** (forex swaps)
- **Giao dịch quyền chọn tiền tệ** (currency options)
- **Giao dịch tiền tệ tương lai** (currency futures)

Trương Tiến Sĩ

29

Sơ đồ các giao dịch ngoại hối



Trương Tiến Sĩ

30

7.3.1. Giao dịch ngoại hối giao ngay (Forex Spot)

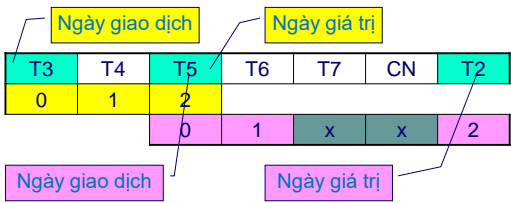


- **Khái niệm:**
 - Forex Spot là giao dịch trong đó hai bên thỏa thuận mua bán ngoại hối theo tỷ giá được thỏa thuận ngày hôm nay và việc giao hàng được thực hiện trong vòng 2 ngày làm việc.
 - Hai ngày làm việc là thời gian cần thiết để làm thủ tục ghi có tài khoản ngân hàng đối tác số tiền thỏa thuận

7.3.1. Giao dịch ngoại hối giao ngay (Forex Spot)



- Mỗi giao dịch ngoại hối có hai ngày liên quan: **ngày giao dịch** và **ngày giá trị**



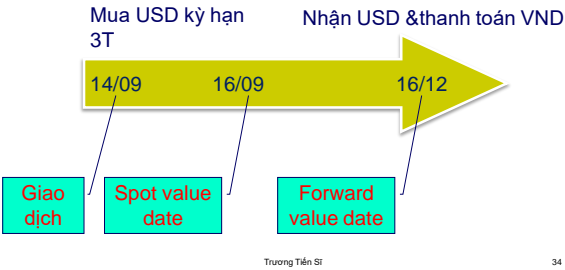
7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn



- **Khái niệm:**
 - Giao dịch ngoại hối kỳ hạn (outright forex forward transaction) là giao dịch mua bán ngoại hối trong đó tỷ giá được hai bên thỏa thuận ngày hôm nay và việc giao hàng (chuyển đổi tiền tệ) được thực hiện tại mức tỷ giá đó vào một ngày xác định trong tương lai.

7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn

• Ngày giao dịch và ngày giá trị



7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn

• Giao dịch ngoại hối kỳ hạn sử dụng để:

- Đầu cơ
- Phòng ngừa rủi ro tỷ giá:
 - Các khoản phải thanh toán nhập khẩu
 - Các khoản phải thu xuất khẩu
 - Các khoản đầu tư bằng ngoại tệ
 - Các khoản đi vay bằng ngoại tệ

7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn

• Công thức tính tỷ giá kỳ hạn tổng quát:

$$F = S \times \frac{(1 + i)}{(1 + i^*)}$$

- Trong đó:
 - F: tỷ giá kỳ hạn một năm (yết trực tiếp)
 - S: tỷ giá giao ngay (yết trực tiếp)
 - i: lãi suất kỳ hạn một năm của đồng tiền định giá
 - i*: lãi suất kỳ hạn một năm của đồng tiền yết giá

- Cơ sở tính lãi của các đồng tiền khác nhau:
 - AUD, JPY, USD, CHF, EUR, VND...: 360 ngày/năm
 - GBP, HKD, SGD, CAD...: 365 ngày/năm

7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn

• Công thức tính tỷ giá kỳ hạn mua vào

$$F_b = S_b \times \frac{(1+i_b)}{(1+i_a^*)}$$

- Trong đó:
 - F_b : Tỷ giá kỳ hạn mua vào
 - S_b : Tỷ giá giao ngay mua vào
 - i_b : Lãi suất tiền gửi đồng tiền định giá
 - i_a^* : Lãi suất cho vay đồng tiền yết giá

37

7.3.2. Giao dịch ngoại hối kỳ hạn

• Công thức tính tỷ giá kỳ hạn bán ra

$$F_a = S_a \times \frac{(1+i_a)}{(1+i_b^*)}$$

- Trong đó :
 - F_a : Tỷ giá kỳ hạn bán ra
 - S_a : Tỷ giá giao ngay bán ra
 - i_a : Lãi suất cho vay đồng tiền định giá
 - i_b^* : Lãi suất tiền gửi đồng tiền yết giá

38